

ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ NHỮNG NGƯỜI TRỰC TIẾP QUẢN LÝ DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HOÁ.

TỪ MẠNH LƯƠNG*

Theo thống kê của Cục Bảo tồn Bảo tàng Bộ Văn hoá Thông tin đến cuối năm 2002 cả nước có 2800 di tích quốc gia, trong đó có 4 di tích được công nhận là di sản thế giới (Cố đô Huế, thắng cảnh Hạ Long, phố cổ Hội An, Mỹ Sơn) và hàng vạn di tích cấp tỉnh. Hệ thống các di tích này do các Bảo tàng và Ban quản lý di tích ở các tỉnh, thành phố quản lý và có một số di tích do các ngành quản lý.

Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, bắt đầu từ năm 1994 đến nay ngành văn hoá thông tin được phép triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá. Thông qua thực hiện mục tiêu chống xuống cấp và phát huy các giá trị di tích lịch sử - văn hóa, hệ thống các di tích đã được đầu tư tu bổ chống xuống cấp và tôn tạo. Nhiều di tích lịch sử - văn hoá đã thoát khỏi nguy cơ sập, đổ và đã thực sự tham gia vào sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương có di tích, góp phần phát triển ngành du lịch, các nghề thủ công truyền thống... như di tích Huế, phố cổ Hội An, địa đạo Bến Dược Củ Chi, thắng cảnh Hạ Long... Đặc biệt, Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Khoá X, kỳ họp thứ 9 từ ngày 22 tháng 5 đến 29 tháng 6 năm 2001 đã thông qua Luật Di sản Văn hoá. Đây là văn bản pháp luật quan trọng nhất nhằm bảo vệ và phát huy các di sản văn hoá của dân tộc trong quá trình xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Cùng với thành tựu trong việc đầu tư bảo tồn và phát huy di tích thì đội ngũ những người tham gia quản lý và khai thác cũng tăng nhanh, góp phần không nhỏ vào việc bảo vệ, gìn giữ và phát

huy các giá trị của di tích.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, thực tế hiện nay cho thấy, nhiều di tích vẫn bị mất mát cổ vật... bảo vật như các di tích thuộc tỉnh Hà Tây; hiện tượng lấn chiếm đất đai thuộc khu vực khoanh vùng bảo vệ di tích, sử dụng sai công năng vốn có ban đầu của di tích như ở thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh (Báo Nhân dân đã nêu); vì mục đích kinh tế người ta xây dựng chùa giả, buôn thần, bán thánh, tổ chức kinh doanh bữa bãi làm mất cảnh quan vốn có của di tích, làm ô nhiễm môi trường (như di tích chùa Hương, đền Bà chúa Kho...); Ngoài ra, với hình thức công đức, do hiểu biết có hạn về khoa học bảo tồn, nên trong quá trình tu bổ, không ít di tích đã bị làm sai lệch các giá trị vốn có của nó. Mặt khác, có những hiện tượng tương đối phổ biến cần có giải pháp khắc phục với một số di tích không có người trực tiếp quản lý, nhất là các di tích cách mạng nằm sâu trong rừng, các di tích không thường xuyên có khách tham quan, không có nguồn thu, hoặc đang tồn tại là một địa điểm có ghi bia lưu niệm... Để có giải pháp đúng, cần thiết phải trả lời câu hỏi “ai là người chịu trách nhiệm trước các hiện tượng đó”, “vì sao lại có hiện tượng đó”. Để tìm lời giải đáp, có nhiều cách tiếp cận. Tôi cho rằng, một trong những nguyên nhân dẫn đến hiện tượng trên là chúng ta chưa có “chính sách đãi ngộ đối với những người trực tiếp quản lý di tích lịch sử - văn hoá”. Ngoài khoảng 25 di tích được Nhà nước thành lập ban quản lý trực tiếp và những

* NGS, Thư ký chương trình quốc gia về văn hóa

người trong ban quản lý được hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, còn các di tích khác, những người tham gia quản lý đều là tự nguyện, họ không phải là công chức nhà nước nên không được hưởng lương, trợ cấp từ ngân sách nhà nước. Phải chăng, do giá trị của các di tích khác nhau, do ngân sách Nhà nước còn có hạn hay công việc quản lý các di tích còn lại (ngoài 25 di tích có ban quản lý di tích) không có yêu cầu cao, phức tạp, cần đến sự đãi ngộ của nhà nước cho những người đang làm nhiệm vụ quản lý chúng? Trong khi đó, sự quan tâm, tự nguyện tham gia quản lý của nhân dân chỉ với một số di tích, còn một số di tích khác thì không? Theo tôi, đã đến lúc nhà nước cần thiết phải có chính sách đãi ngộ thống nhất trong toàn quốc đối với người trực tiếp quản lý di tích.

Di tích lịch sử - văn hoá theo Luật Di sản văn hoá là tài sản văn hoá quốc gia. Những người trực tiếp quản lý di tích là thay mặt Nhà nước làm nhiệm vụ quản lý tài sản văn hoá quốc gia. Vì vậy, Nhà nước cần phải xác định rõ trách nhiệm cũng như quyền lợi của những người này.

Những người trực tiếp quản lý di tích có trách nhiệm hết sức to lớn, không những họ có nhiệm vụ bảo vệ, giữ gìn nguyên vẹn di

tích mà còn phải giám sát, tổ chức việc tu bổ, khai thác di tích, đảm bảo không làm sai lệch các giá trị vốn có của nó. Để hoàn thành trách nhiệm lớn đó, những người quản lý di tích xứng đáng được hưởng sự đãi ngộ của Nhà nước cả về lợi ích tinh thần và lợi ích vật chất.

Hệ thống di tích lịch sử - văn hoá hiện nay trên cả nước rất lớn, đặt ra những yêu cầu cấp bách không những về hệ thống luật pháp, bộ máy tổ chức, vốn đầu tư... mà cả với những người trực tiếp quản lý các di tích. Vì vậy, việc nâng cao ý thức tự giác, trách nhiệm của những người trực tiếp quản lý di tích là cần thiết, cấp bách.

Với gần 2800 di tích quốc gia và hàng vạn di tích cấp tỉnh được phân bố rộng khắp trong cả nước, Nhà nước không thể lập ở mỗi di tích một ban quản lý và trả lương từ ngân sách Nhà nước mà phải dựa vào dân, cho phép dân tham gia quản lý trực tiếp di tích, họ chủ yếu là người địa phương, sống gần di tích, có hiểu biết về Luật Di sản văn hoá và có thời gian thường xuyên trông nom di tích.

Nhà nước thực hiện chính sách đãi ngộ đối với người trực tiếp quản lý di tích cũng thể hiện sự khẳng định di tích lịch sử - văn hoá là



Cây đa Tân Trào, Khu di tích Tân Trào (Tuyên Quang).
Ảnh: Hải Ninh

tài sản quốc gia, trách nhiệm bảo vệ giữ gìn nó trước tiên thuộc về Nhà nước.

Chính sách đãi ngộ đối với những người trực tiếp quản lý di tích là thông qua các hình thức thích hợp để đãi ngộ cho những người trực tiếp quản lý di tích nhằm động viên, khuyến khích họ tham gia một cách tự giác, có trách nhiệm cao trong việc bảo vệ, giữ gìn và phát huy di tích.

Lợi ích của những người quản lý di tích bao gồm cả tinh thần và vật chất. Lợi ích về tinh thần là niềm tự hào được tham gia bảo vệ di tích, là sự kính trọng của cộng đồng và sự ghi nhận của Nhà nước trong việc gìn giữ di sản văn hoá quý giá của dân tộc. Lợi ích vật chất là các giá trị vật chất người quản lý trực tiếp di tích có được thông qua việc thực hiện nhiệm vụ quản lý di tích dưới dạng tiền lương, tiền trợ cấp, tiền thu các hoạt động dịch vụ phục vụ khách tham quan di tích, một phần tiền công đức hay đồ thờ cúng...

Người quản lý trực tiếp di tích nếu chỉ có lợi ích về tinh thần không có lợi ích về vật chất thì họ không thể gắn bó thường xuyên với di tích để thực hiện nhiệm vụ quản lý, vì còn phải dành thời gian làm các công việc khác cho gia đình và bản thân mình để đảm bảo cuộc sống hàng ngày. Mặt khác, họ không thể chịu trách nhiệm chính trong việc ngăn chặn các hành vi vi phạm di tích khi họ không có lợi ích ràng buộc với trách nhiệm đó. Tuy nhiên, cá biệt cũng có người lợi dụng được tham gia quản lý di tích để tổ chức các hoạt động mang màu sắc mê tín dị đoan, các dịch vụ phục vụ khách tham quan được tổ chức bừa bãi gây ô nhiễm môi trường, cảnh quan, tuyên truyền sai lệch giá trị vốn có của di tích... nhằm mục đích thu lợi cho cá nhân.

Do đó, gắn cả lợi ích tinh thần và lợi ích vật chất cho những người trực tiếp quản lý di tích sẽ có tác dụng động viên, khuyến khích, nâng cao trách nhiệm trong việc bảo vệ, giữ gìn và phát huy các giá trị của di tích.

Tùy vào tính chất, đặc điểm cụ thể của

từng di tích để có các hình thức đãi ngộ thích hợp cho những người trực tiếp quản lý di tích. Đối với các di tích quốc gia đặc biệt, do di tích mang giá trị tiêu biểu của quốc gia nên Nhà nước cần thiết thành lập ban quản lý trực tiếp di tích đó và những người trong ban quản lý được hưởng lương từ ngân sách nhà nước, được coi là công chức của nhà nước. Mô hình này, thực tế hiện nay mới có khoảng 25 ban quản lý di tích, cần được xem xét cho tất cả các di tích quốc gia đặc biệt.

Đối với các di tích quốc gia và cấp tỉnh không có điều kiện thành lập ban quản lý trực tiếp như mô hình trên, thì những người tham gia quản lý trực tiếp di tích phải được nhân dân bầu và được sự nhất trí của ngành văn hoá thông tin có thẩm quyền ở các cấp; với các di tích là chùa, miếu thờ còn cần sự đồng thuận của Hội Phật giáo tỉnh, thành phố. Cách làm này sẽ đem lại lợi ích về tinh thần cho những người trực tiếp quản lý di tích, vì họ được nhân dân tin tưởng, lựa chọn, tổ chức tín nhiệm và Nhà nước thừa nhận, họ có quyền tự hào được tham gia bảo vệ di sản văn hoá của dân tộc. Về lợi ích vật chất, đối với các di tích không có nguồn thu tại di tích, Nhà nước cần thiết phải trợ cấp hàng tháng từ ngân sách địa phương có di tích đó, tối thiểu là cho một người có trách nhiệm chính trong việc quản lý di tích; đối với các di tích có nguồn thu thì kinh phí để trợ cấp cho những người quản lý di tích được lấy từ nguồn bán vé tham quan, tiền công đức. Đây là những lợi ích vật chất mang tính chất ổn định thường xuyên lâu dài, nhằm làm cho người quản lý di tích yên tâm thực hiện trách nhiệm bảo vệ, gìn giữ di tích. Hiện nay tỉnh Hà Tây đã bắt đầu thí điểm áp dụng cách làm này cho toàn bộ hệ thống di tích quốc gia trên địa bàn tỉnh, với mức trợ cấp từ 50.000 đồng đến 100.000đ/người/tháng.

Ngoài các hình thức trả lương và trợ cấp như trên, có thể tạo thêm các hình thức khác đem lại lợi ích vật chất và tinh thần cho người quản lý di tích như: được ưu tiên tham gia tổ

chức các hoạt động dịch vụ (được phép) trong di tích để phục vụ khách tham quan, được ưu tiên xem xét xây dựng các công trình phục vụ khai thác ngoài khu vực I và vùng đệm của di tích. Các hoạt động dịch vụ được phép bao gồm: bán hàng lưu niệm, chụp ảnh, bán hàng giải khát, trông giữ xe máy, xe đạp... Nếu các hoạt động này giao cho những người trực tiếp quản lý di tích thực hiện sẽ có lợi vì họ biết phải tổ chức các dịch vụ này như thế nào để không gây ô nhiễm môi trường, mất cảnh quan vốn có của di tích. Các công trình xây dựng phục vụ khách tham quan ngoài khu vực I và vùng đệm như nhà nghỉ, cửa hàng bán đồ thủ công mỹ nghệ, hàng ăn, dịch vụ vui chơi giải trí... nhằm tạo điều kiện cho gia đình những người quản lý di tích có thêm việc làm và thu nhập, có tác dụng gắn bó chặt chẽ giữa lợi ích bảo vệ di tích với lợi ích của chính bản thân gia đình họ.

Để bảo vệ và phát huy các giá trị di tích lịch sử - văn hoá của dân tộc trong giai đoạn hiện nay, cần thiết đổi mới chính sách đãi ngộ đối với người trực tiếp quản lý di tích. Không có chính sách đãi ngộ hợp lý với người trực tiếp quản lý di tích sẽ không động viên, khuyến khích được sự nhiệt tình, tinh thần trách nhiệm của những người tham gia quản lý di tích.

T.M.L



Cổng Tam Quan
Ảnh: Tư liệu của Cục BTBT

(Tiếp trang 65)

vừa yếu, vừa thiếu lại vừa thừa mà việc quản lý các di tích khi đã phân cấp cho cơ sở lại phụ thuộc rất lớn vào những người làm công tác văn hoá ở cơ sở và chính quyền sở tại. Bởi vậy, việc quy hoạch công tác quản lý nói riêng, quy hoạch ngành văn hoá thông tin nói chung đang là vấn đề cấp thiết.

Suy cho cùng, về mặt quản lý di tích ở Hà Nội, việc phân cấp quản lý di tích trực tiếp và toàn diện cho địa phương nên xem xét lại. Vì trong quản lý đòi hỏi phải nghiên cứu khoa học để hiểu lịch sử di tích, giá trị di tích, từ đó mới bảo tồn được di tích. Mặt khác, việc quản lý còn mang một trách nhiệm giữ gìn phát huy để vừa giáo dục truyền thống, vừa đáp ứng nhu cầu tham quan của khách trong và ngoài nước. Bởi vậy, phân cấp là cần thiết, là phù hợp với xu thế phát triển hiện đại, nhưng phân cấp đến đâu ở mức độ nào cần phải được cân nhắc thêm.

Bên cạnh việc xã hội hoá công tác tu sửa, bảo vệ di tích trong điều kiện kinh tế thị trường còn có cả quản lý di tích về mặt hành chính, hành pháp, khoa học. Song, cần phải tập trung vào một mối, nhằm đi tới nhất quán, để hạn chế tối đa những sai lệch, chông chéo, đùn đẩy trách nhiệm trong quản lý, thực hiện linh hoạt, nghiêm túc và đúng với tinh thần của Luật Di sản văn hoá.

Sự phát triển của kinh tế - xã hội tất yếu dẫn đến sự đòi hỏi cải thiện hoàn cảnh sống và sự thay đổi các tiêu chuẩn hưởng thụ. Song, vấn đề là sự thay đổi đó phải có hướng dẫn, quy định, để các quyền lợi của người thụ hưởng không mâu thuẫn với quyền lợi của cộng đồng, và để sự thụ hưởng quyền lợi vật chất hiện tại không bị đánh đổi bằng sự hy sinh quyền được hưởng thụ các giá trị di sản văn hoá quý giá của dân tộc.

Tóm lại, giữa bảo tồn và phát triển ở Hà Nội đang được các nhà khoa học và quản lý bỏ công với đầy tâm huyết soi lục, tìm cho ra mối tương quan giữa cái cũ và cái mới, giữa cái đã có và cái mới cần có để giải quyết một cách hài hoà trong phát triển đô thị. Một luồng gió mới, một sinh khí mới đã đến với Hà Nội, đó là Nghị quyết 15-NQ/TW ngày 15-12-2000 của Bộ Chính trị; Pháp lệnh Thủ đô; Luật Di sản văn hoá đã và đang được nhân dân Hà Nội hào hứng giương tay đón tiếp với một quyết tâm xây dựng thủ đô văn minh, hiện đại, đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam.

N.D.T